

Bản án số: 85/2019/HS-PT
Ngày: 16-12-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vũ.

Các Thẩm phán: Ông Thái Rết.

Ông Nguyễn Văn Dũ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Sơn-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Sáu-Kiểm sát viên.

Trong ngày 16-12-2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 77/2019/TLPT-HS ngày 11-11-2019 đối với bị cáo Nguyễn Đất N do có kháng cáo của bị cáo N và bị hại Phạm Văn O đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2019/HS-ST ngày 04-10-2019 của Tòa án nhân dân thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Đất N: Sinh năm: 1987; Nơi sinh: Sóc Trăng; Nơi cư trú: Khóm T, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn R và bà Võ Thị K; Có vợ là bà Võ Thị T; Sinh năm 1978 và 01 người con, sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 30-5-2019 (có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Lương Thị Ngọc H-Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sóc Trăng; (có mặt)

- Bị hại: Ông Phạm Văn O; Sinh năm: 1964; Nơi cư trú: Khóm C, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Người làm chứng:

1. Bà NLC1; Sinh năm: 1970; Nơi cư trú: Khóm T, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

2. Ông NLC2; Sinh năm: 1991; Nơi cư trú: Khóm T, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ ngày 29-01-2019, ông NLC2 điều khiển xe mô tô chở bà NLC1 đến nhà ông Phạm Văn O ở Khóm C, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng để đòi tiền hối. Khi đến nhà ông O, NLC1 và NLC2 đứng cãi nhau với ông O ở sân nhà trước. Lúc này, Nguyễn Đất N điều khiển xe mô tô chở con trai là Nguyễn Hữu T, sinh năm 2011 đi ngang thấy sự việc nên đậu xe ở ngoài lộ đāl rồi đi vào xem. N nghe ông O nói với NLC1 và NLC2 “Đi ra Ngân hàng mà lấy tiền đi” thì N mới nói “Chú thiếu tiền người ta mà chú nói kỳ vậy”. Sau đó, N và ông O cự cãi, N dùng tay đánh ông O một cái thì ông O chạy vào trong nhà, N đuổi theo, ông O cầm ghế inox ở trong nhà dùng để đánh N, nhưng đánh không trúng nên ông O bỏ ghế xuống nền gạch tại nhà trước rồi chạy ra nhà sau. Lúc này, N đuổi theo, ông O chạy đến tú chén bằng cây và dùng tay lấy 01 cây dao dài 42cm, lưỡi dao bằng kim loại màu đen dài 28cm, cán dao bằng gỗ tròn dài 14cm, thì N chạy đến dùng tay phải giật lấy cây dao từ tay ông O và chém 01 cái trúng vào đầu ông O gây thương tích. Lúc này, NLC1 và NLC2 chạy đến can ngăn, NLC1 dùng tay giật lấy dao từ trên tay N nên N bỏ đi ra ngoài và điều khiển xe chở con về nhà, còn NLC1 bỏ cây dao xuống nền gạch nhà sau và cùng NLC2 đi về nhà.

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 64/TgT-PY ngày 19-3-2019 của Trung tâm Pháp y-Sở Y tế tỉnh Sóc Trăng kết luận: Phạm Văn O có tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 02%, tổn thương vùng cằm do vật sắc gây nên, tổn thương nề do vật tày gây nên, cụ thể:

- Sẹo có tóc che vùng cằm phải, kích thước 01cm x 0,1cm. Không yêu liệt chi, không dấu hiệu tổn thương thần kinh khu trú. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 02% (Hai phần trăm);

- Các vết nề như trong giấy chứng nhận thương tích mô tả đã được điều trị, không còn di chứng tổn thương. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 00% (không phần trăm).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2019/HS-ST ngày 04-10-2019 của Tòa án nhân dân thị xã V, tỉnh Sóc Trăng quyết định:

- Căn cứ vào: Điểm a, điểm i khoản 1 Điều 134, điểm b, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các điều 357, 584, 585, 586 và 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đất N phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đất N 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc bắt bị cáo thi hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Đất N bồi thường cho bị hại Phạm Văn O tổng số tiền 9.696.511 đồng (Chín triệu sáu trăm chín mươi sáu

ngàn năm trăm mười một đồng).

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

Đến ngày 21-10-2019, bị cáo Nguyễn Đất N kháng cáo xin giảm án và bị hại Phạm Văn O kháng cáo yêu cầu tăng tiền bồi thường về tổn thất tinh thần, yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự đối với bà NLC1 và ông NLC2.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Nguyễn Đất N giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm án.

- Bị hại Phạm Văn O giữ nguyên nội dung kháng cáo tăng tiền bồi thường về tổn thất tinh thần và yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự đối với bà NLC1 và ông NLC2.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Người bào chữa cho bị cáo N trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng bổ sung tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn” cho bị cáo; đối với việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo phạm tội trong trường hợp “Có tính chất côn đồ” là không có căn cứ; đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đối với kháng cáo của bị hại về việc tăng tiền bồi thường về tổn thất tinh thần là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đất N lập và nộp cho Tòa án nhân dân thị xã V vào ngày 21-10-2019 và đơn kháng cáo của bị hại lập và nộp cho Tòa án vào ngày 21-10-2019 là đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định của các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ xem xét nội dung kháng cáo của bị cáo N về việc xin giảm án và đơn kháng cáo của bị hại về việc yêu cầu tăng tiền bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần và yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự đối với bà NLC1 và ông NLC2.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Đất N: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Đất N khai nhận giữa bị cáo với bị hại Phạm Văn O không quen biết và cũng không có mâu thuẫn với nhau từ trước; bị cáo N có quan hệ họ hàng với NLC1 và NLC2. Vào khoảng 19 giờ ngày 29-01-2019, tại khu vực nhà bị hại O ở Khóm T, phường K, thị xã V, do bức xúc việc NLC1 và NLC2 đòi

tiền hui ông O nhưng ông O không trả mà còn kêu ra ngân hàng lấy tiền nên bị cáo N đã dùng tay đánh ông O một cái nhưng không gây thương tích. Ông O chạy vào nhà dùng ghế inox đánh bị cáo nhưng không trúng, bị hại O tiếp tục chạy ra nhà sau lấy cây dao có lưỡi dao bằng kim loại sắc bén thì bị cáo đuổi theo và giật được dao rồi dùng dao chém bị hại O một cái trúng vào đầu gây thương tích theo kết luận giám định tỷ lệ tổn hại tổn thương cơ thể của bị hại O do thương tích gây nên là 02%. Lời thừa nhận của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai người làm chứng và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án mà cơ quan điều tra đã thu thập được. Như vậy, có đủ căn cứ xác định bị cáo N không quen biết, mâu thuẫn trước với bị hại O nhưng chỉ vì bức xúc sự việc đòi nợ hui giữa NLC1 và bị hại O mà bị cáo N đã đánh bị hại trước, rồi sau đó bị cáo N dùng cây dao có lưỡi dao bằng kim loại sắc bén gây thương tích cho bị hại O với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 02% nên hành vi của bị cáo N thuộc trường hợp dùng hung khí nguy hiểm và có tính chất côn đồ. Xét việc người bào chữa đề nghị không áp dụng tình tiết có tính chất côn đồ theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận. Từ những cơ sở trên cho thấy, Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận bị cáo Nguyễn Đất N phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a, điểm i khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm án của bị cáo N: Khi lượng hình, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đồng thời, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xem xét, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là bị cáo đã bồi thường một phần tiền cho bị hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo không có tiền án, tiền sự; bị cáo không biết chữ nên nhận thức pháp luật hạn chế theo quy định tại điểm b, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xét việc Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Về việc người bào chữa cho rằng bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn nhưng chưa được Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định hành vi phạm tội của bị cáo không những gây thiệt hại về sức khỏe cho bị hại với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 02% mà còn gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự an toàn xã hội nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo N là có căn cứ. Căn cứ vào mức độ, tính chất của hành vi phạm tội và đặc điểm nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo N, Hội đồng xét xử sơ thẩm xử phạt bị cáo N 06 tháng tù là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo N không cung cấp

được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào khác mà Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng cho bị cáo nên không có cơ sở để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[4] Xét kháng cáo của bị hại Phạm Văn O về việc yêu cầu tăng tiền bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần: Bị hại O bị bị cáo N cố ý gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 02%, sẹo vết thương ở vùng cằm phải có tóc che nên không ảnh hưởng nhiều về mặt thẩm mỹ và thương tích không yếu liệt chi, không dấu hiệu tổn thương thần kinh khu trú. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm buộc bị cáo N bồi thường cho bị hại O khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần là 03 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tương đương số tiền là 4.470.000 đồng là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị hại O.

[5] Xét kháng cáo của bị hại O về việc yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự đối với bà NLC1 và ông NLC2: Trong quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm, bị cáo N và bị hại O đều xác định thương tích của bị hại O là do bị cáo N gây ra. Đồng thời, ngoài lời khai của bị hại O thì không có chứng cứ nào khác chứng minh NLC1 và NLC2 có giúp sức cho bị cáo N gây thương tích cho bị hại O; trong khi đó, bị cáo N xác định khi bị cáo và bị hại đánh nhau thì NLC1 và NLC2 là người ôm và can ngăn bị cáo. Như vậy, không có căn cứ xác định NLC1 và NLC2 gây thương tích cho bị hại O hoặc có hành vi giúp sức cho bị cáo N gây thương tích cho bị hại O. Vì vậy, yêu cầu của bị hại O về việc xử lý trách nhiệm hình sự đối với NLC1 và NLC2 là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, chấp nhận một phần đề nghị của người bào chữa, căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo xin giảm án của bị cáo N và không chấp nhận kháng cáo của bị hại O về việc yêu cầu tăng tiền bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần và yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự đối với NLC1 và NLC2, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; các điều 23, 29, 12 và 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Đất N thuộc hộ nghèo nên được miễn án phí hình sự phúc thẩm. Bị hại O kháng cáo về bồi thường thiệt hại về sức khỏe và về trách nhiệm hình sự của người làm chứng nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và án phí hình sự phúc thẩm.

[8] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm án của bị cáo Nguyễn Đất N.

Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Phạm Văn O về việc yêu cầu tăng tiền bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần và yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự đối với bà NLC1 và ông NLC2.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2019/HS-ST ngày 04-10-2019 của Tòa án nhân dân thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

2. Căn cứ vào điểm a, điểm i khoản 1 Điều 134; điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đất N 06 (Sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện đi chấp hành án hoặc ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

3. Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các điều 584, 585, 586, 590 và 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

- Xử buộc bị cáo Nguyễn Đất N bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bị hại Phạm Văn O với tổng số tiền là 9.696.511 đồng (Chín triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn năm trăm mười một đồng).

- Về nghĩa vụ thi hành án dân sự:

+ Về nghĩa vụ chậm thi hành án dân sự: Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

+ Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; các điều 23, 29, 12 và 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Nguyễn Đất N được miễn án phí hình sự phúc thẩm.

- Bị hại Phạm Văn O không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

5. Các phần khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01)
- TAND thị xã V (02);
- VKSND thị xã V (01);
- CQĐT - Công an thị xã V (01);
- CQTHAHS-Công an thị xã V (01);
- Chi cục THADS thị xã V (01);
- Bị cáo, bị hại (03).
- PKTNV-THA-TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- CQTHAHS- Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- PHSNV-Công an tỉnh Sóc Trăng (01)
- Sơ Tư pháp (01);
- Lưu hs, THS (04);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Thanh Vũ